TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1350/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/11/2019
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**
Các Hội thẩm nhân dân:
1) Bà **Nguyễn Thị Vạn**
2) Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cơ**_Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Bình Chánh không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 787/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 07 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mai Thị N**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp HT, xã HB, huyện TO, tỉnh V_có mặt.

Bị đơn: Ông **Thang Phát C**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp 5, xã VLA, huyện BC, Thành phố H_vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc: "Ly hôn" nguyên đơn là bà Mai Thị N trình bày giữa bà và ông Thang Phát C sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự

nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 261, quyển số: 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh cấp ngày 01/12/2009). Giữa bà và ông Thang Phát C chung sống với nhau không có con chung.

Đầu năm 2018, do hai bên chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, gây gổ cải vã nhau nên cả hai đã sống ly thân.

Tại Tòa hôm nay, bà Mai Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thang Phát C; Về con chung: bà tự khai không có.

Về tài sản chung: không có_không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

Về phía ông Thang Phát C, Toà án nhân dân huyện Bình Chánh đã nhiều lần triệu tập ông đến trụ sở Toà án để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Thang Phát C vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt giấy báo hợp lệ, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Do ông Thang Phát C vắng mặt tại phiên toà (mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thang Phát C là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự, cùng các tài liệu có trong hồ sơ, đơn xin ly hôn của bà Mai Thị N đối với ông Thang Phát C, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định đây là vụ kiện Hôn nhân gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn", vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; ông Thang Phát C có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các biên bản tống đạt của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập ông Thang Phát C có mặt tại trụ sở Tòa án để tiến hành các bước tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Thang Phát C vắng mặt không rõ lý do. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tống đạt giấy triệu tập ông Thang Phát C đến trụ sở Toà án để tham dự hoà giải, dự phiên toà cũng như Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập để trình bày ý kiến, giấy triệu tập hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai và giấy triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ông Thang Phát C phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh để nghe xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông Thang Phát C vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Cho nên Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm công khai là phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, **Hội đồng xét xử xét thấy như sau**:

Về quan hệ hôn nhân: năm 2009, bà Mai Thị N và ông Thang Phát C sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (đăng ký kết hôn vào năm 2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 261, quyển số: 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/12/2009). Việc bà Mai Thị N và ông Thang Phát C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng là có thật và hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa bà Mai Thị N và ông Thang Phát C có nhiều mâu thuẫn. Năm 2018, do hai bên chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, gây gổ cải vã nhau nên cả hai đã sống ly thân; bà Mai Thị N đã nộp đơn ly hôn đối với ông Thang Phát C tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh vì bà khẳng định rằng giữa hai người đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về: "Tình nghĩa vợ chồng"; Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...". Nay tại tòa bà Mai Thị N yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông Thang Phát C. Đối chiếu các quy định trên của pháp luật, Hội đồng

xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị N xin được ly hôn đối với ông Thang Phát C.

Về con chung: bà Mai Thị N xác định không có_Toà không xét đến.

Về tài sản chung: bà Mai Thị N khai không có, nên Tòa không đặt ra để giải quyết; Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự khác: bà Mai Thị N tự khai không có nên Tòa không xét đến.

Về phía ông Thang Phát C, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào biên bản tống đạt thông báo, các biên bản tống đạt giấy triệu tập hòa giải, cho thấy Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Thang Phát C theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Thang Phát C không có ý kiến và cũng không đến Tòa để hòa giải, chứng tỏ ông Thang Phát C không có thiện chí và không có ý thức tôn trọng pháp luật, do vậy nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của phía nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Mai Thị N chịu.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 146, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị N đối với ông Thang Phát C.

Xử cho bà Mai Thị N được ly hôn với ông Thang Phát C. Giấy chứng nhận kết hôn số 261, quyển số: 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/12/2009 không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: bà Mai Thị N xác định không có_Toà không xét đến.

3/ Về tài sản chung: Do bà Mai Thị N khai không có nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Do bà Mai Thị N tự khai không có nên Tòa không xét đến.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Mai Thị N chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Mai Thị N đã nộp là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002547 ngày 24/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Mai Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

-Nơi nhận:
- TANDTP.HCM.
- VKSNDTP.HCM.
- VKSNDH.Bình Chánh.
- Chi cục Thi hành án DS H.Bình Chánh.
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh.
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Hải